

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 26-8-2022  
V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GT**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hồng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Kông
2. Bà Hà Thị Màu

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện GT.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GT: Ông Khương Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện GT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Bà Hà Kim T***, sinh năm 1952 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 06, ấp Trà P, xã Phú M, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

***Bị đơn: Ông Lê Thanh S***, sinh năm 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 06, ấp Trà P, xã Phú M, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo L, phường H; quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Q– Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam huyện GT, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: ấp K, xã T, huyện GT, tỉnh Kiên Giang.  
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Hà Kim T trình bày:*

Bà T và ông S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, không đăng ký hôn. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc đến sau thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và thường xuyên xung khắc nhau. Ông S thường xuyên bỏ nhà đi không quan tâm đến gia đình nên mọi việc lớn nhỏ trong gia đình đều do bà T gánh vác, từ năm 2014 đến nay ông, bà không còn sống chung. Bà T nhận thấy, mâu thuẫn ông, bà ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với ông S

Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung tên Lê Thị H, sinh ngày 21/7/2002, hiện đã trên 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà T và ông S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống bà T và ông S có vay của Ngân hàng CSXHVN huyện GT 2 khoản tiền cụ thể như sau: Vay tiền nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Nay bà T tự nguyện nhận trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng CSXHVN huyện GT số tiền gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo sổ vay vốn khi đến hạn.

*Bị đơn ông Lê Thanh S trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ là bà Hà Kim T. Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Nay ông S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với bà Hà Kim T.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông thống nhất việc bà T nhận trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng CSXHVN huyện GT số tiền gốc là 65.000.000đ và lãi phát sinh theo sổ vay vốn khi đến hạn.

*Đại diện Ngân hàng CSXHVN huyện GT vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày như sau:*

Ngân hàng CSXHVN huyện GT có giải ngân cho hộ bà T và ông S vay các khoản như sau: Nước sạch vệ sinh môi trường 15.000.000; sản xuất kinh doanh 50.000.000đ. Nay bà T và ông S ly hôn, bà T nhận trách nhiệm thanh toán số nợ gốc

nêu trên và lãi phát sinh cho Ngân hàng khi đến hạn thì phía Ngân hàng hoàn toàn đồng ý.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận bà T và ông S là vợ chồng.

Về con chung: Chị Lê Thị H đã trên 18 tuổi nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T và ông S không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc nhận trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng CSXHVN huyện GT số tiền gốc là 65.000.000đ và lãi phát sinh theo số vay vốn khi đến hạn.

Án phí: Nguyên đơn bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

Bà Hà Kim T nộp đơn xin ly hôn với ông Lê Thanh S được Tòa án thụ lý ngày 01/6/2022 thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Luật này được áp dụng để giải quyết các quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S. Mặt khác, bà T khởi kiện xin ly hôn ông S có địa chỉ tại ấp Trà P, xã Phú M, huyện GT, tỉnh Kiên Giang nên việc khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện GT theo các Điều 26 và Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng CSXHVN huyện GT, tỉnh Kiên Giang vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân, HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, bà T và ông S đều có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cụ thể như sau:

Theo khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

*“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Theo Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

*“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Như vậy, việc chung sống của bà T và ông S do không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng và không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà T và ông S khai nhận có 01 con chung tên Lê Thị H, sinh ngày 21/7/2002, hiện chị Trang đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự bà T và ông S không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét;

[5] Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông S, bà T và đại diện Ngân hàng CSXHVN huyện GT về việc bà T nhận trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng CSXHVN huyện GT số tiền gốc 65.000.000đ và lãi phát sinh theo sổ vay vốn.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1/ Áp dụng:**

Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

### **2/ Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hà Kim T và ông Lê Thanh S là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Con chung đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà T, ông S không yêu cầu nên miễn xét.

- Về tài sản chung: Bà T, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông S, bà T và đại diện Ngân hàng CSXH VN huyện GT. Bà T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng CSXH VN huyện GT số tiền gốc 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo sổ vay vốn.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn bà Hà Kim T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002613 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT. Bà T không phải nộp thêm.

**3/ Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/8/2022);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện GT;
- CC THA DS huyện GT;
- UBND xã Phú M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Hồng Phong**

